



Về đích 2023

To the Finish Line of Higg FEM 2023 **TFL Higg FEM 2023** & Deep Dive is an activity organized by GIZ and its partnered brands, fostering **Collaborative Action & Learning for Taking Action** on environmental performance improvement in textile supply chain.



Implemented by



AGENDA

09:15 – 09:35

TFL2023 Projects Introduction

09:35 – 10:05

Key updates of Higg FEM 4.0 by Cascale

Q&A with Cascale

10:05 – 10:30

Core verification, Facility site information determination

- Sharing updates and receiving feedback

11:00 – 11:40

Higg FEM 4.0 aligns with the management system

- EMS section & CMS section
- Discussion

Open questions & discussions





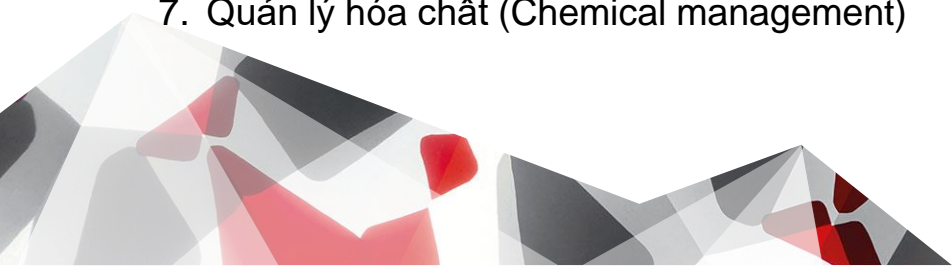
Key updates of Higg FEM 4.0





Cấu trúc Higg FEM 4.0

Cấu trúc của module Higg FEM 4.0 được giữ nguyên với 7 sections bao gồm:

1. Hệ thống quản lý môi trường (EMS)
 2. Năng lượng và khí nhà kính (Energy & GHG)
 3. Nước sạch (Water use)
 4. Nước thải (Wastewater)
 5. Khí thải (Air emission)
 6. Rác thải (Waste)
 7. Quản lý hóa chất (Chemical management)
- 



Cấu trúc Higg FEM 4.0

Những thách thức của các nhà máy với bộ công cụ Higg FEM 4.0

1. Tăng lượng câu hỏi mới lên gần 200 câu, nhà máy đang sử dụng công cụ Higg cần tuân thủ những yêu cầu mới.
2. Các câu hỏi cũ được cập nhật thêm các yêu cầu, nhà máy cần nhận thức được điều này để nâng cấp theo yêu cầu.
3. Thời gian chuẩn bị quá ngắn, làm cho nhà máy cần tập trung thời gian để hoàn thiện trước chu kỳ đánh giá năm 2024.

Giải pháp của Cascale: [Đánh giá Core Verification](#).



Core verification

FEM2023 sẽ được verify phần core question.

- ❖ Mục đích
- ❖ Yêu cầu
- ❖ Định hướng
- ❖ Kết quả

Understanding the Higg FEM Core Verification Question Set

The figure below shows how the Higg FEM Core Verification question set is structured in relation to the full Higg FEM 4.0 question set.

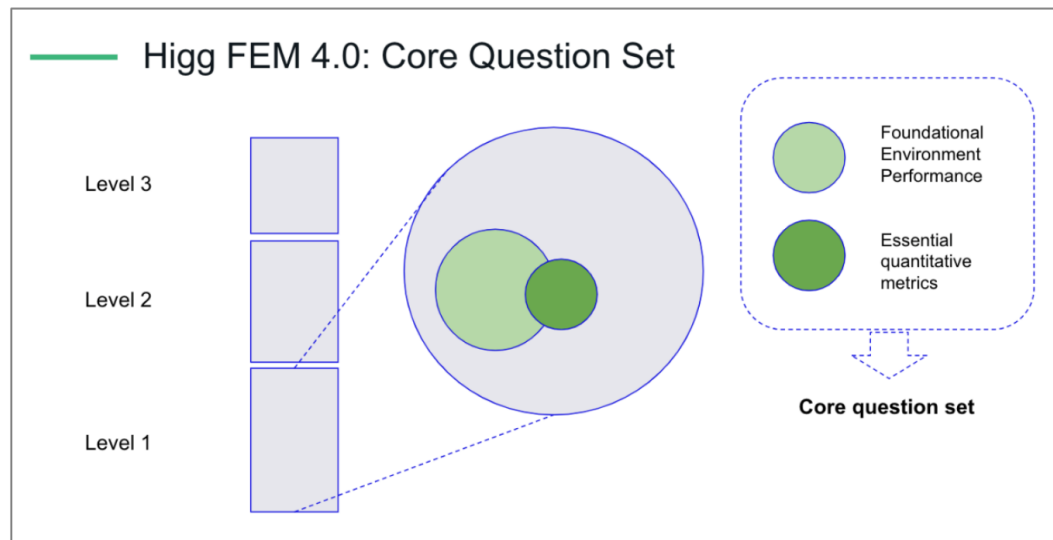
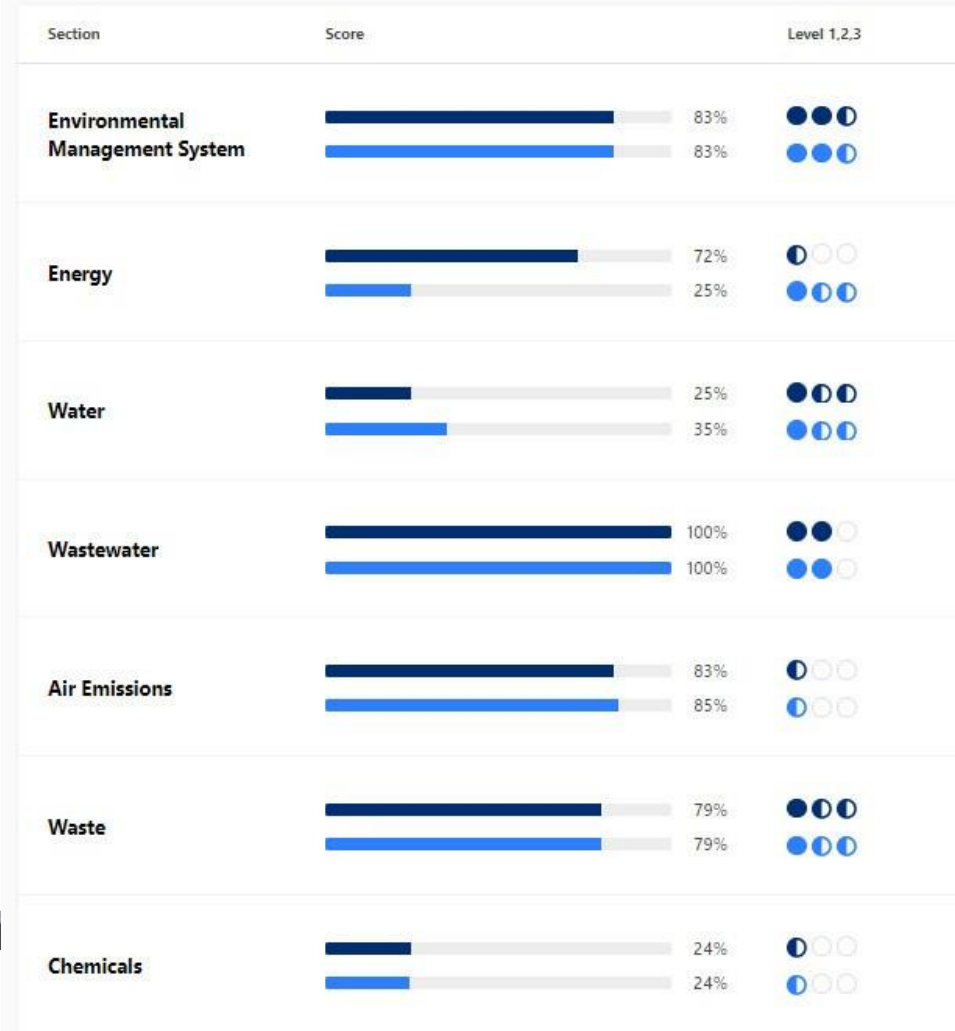


Figure 1: Understanding Higg FEM Core Verification Question Set

Core verification

Minh họa số điểm sau khi verify trên công Worldly.

- Ý nghĩa số điểm của Partial Verified Score?
- Ý nghĩa của việc đạt cấp độ (Level)
- Mong đợi từ phía khách hàng?



Core verification

List các câu hỏi level 1 nhưng không thuộc bộ “Core question”

1. EMS:

- Q4: Does your facility have a company environmental management strategy that guides long-term decision-making on environmental management?
- Q7: Does your facility provide training to employees on environmental awareness and company environmental management strategy?

2. Energy, Water, Waste: None

3. Wastewater:

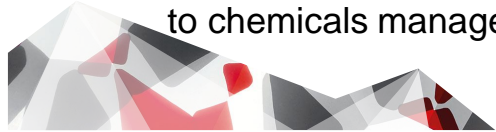
- Q8: How many separate and distinct sources of wastewater sludge are managed and disposed of?
- Q10: Does your facility track its domestic wastewater sludge generated in the reporting year?

4. Air emission:

- Q2: Has your facility created an inventory of all mobile and fugitive emission sources at your facility?

5. Chemical:

- Q13: Does your facility have an environmental and occupational health and safety program specific to chemicals management?



Key updates of Higg FEM 4.0

Hệ thống quản lý môi trường (EMS)

1. Chính sách môi trường được bổ sung (*aligned với ISO 14001 EMS*)
2. Đào tạo nhận thức môi trường (level 1) và chiến lược quản lý môi trường cho người lao động (level 2)
3. Nhấn mạnh việc xác nhận không có ô nhiễm đất và nước ngầm trong nhà máy của bạn?
4. Theo dõi và tham gia thúc đẩy nhà cung cấp và nhà thầu phụ sử dụng công cụ Higg và các đánh giá môi trường khác (*Amfori BEPI, ISO 14001, brand assessment ...*)

Key updates of Higg FEM 4.0

Quản lý hóa chất (Chemical management)

1. Phân loại các dạng sử dụng hóa chất mới (sản xuất, vận hành, bảo trì, tẩy rửa, cơ bản và hóa chất tối thiểu)
2. Chính sách quản lý hóa chất (*aligned với ZDHC CMS Framework*)
3. Thiết lập ban (nhóm) quản lý hóa chất (*aligned với ZDHC CMS TIG*)
4. Chính sách mua hàng dựa trên yêu cầu độ nguy hại, RSL/MRSL
5. Yêu cầu về lưu trữ hóa chất tại kho phụ hoặc kho tạm thời.
6. Thúc đẩy nhà thầu phụ và nhà cung cấp về quản lý MRSL/RSL (*level 2*)
7. Năng lực và quyền hạn của ban quản lý hóa chất (*level 2*)
8. Chương trình roadmap to zero (*Chương trình ZDHC*)
9. Chính sách về minh bạch - *aligned với ZDHC CMS Framework (level 3)*

Key updates of Higg FEM 4.0

Năng lượng và KNK (Energy & GHG)

1. Đa dạng lựa chọn các nguồn năng lượng sử dụng (chia 4 categories) và khai báo chi tiết hơn (Biomass – FSC, EAC, năng lượng tái tạo, đền bù cacbon, chứng chỉ cacbon, tỷ lệ dầu diesel sinh học, tỷ lệ xăng và ethanol...)
2. Phân tách năng lượng sử dụng cho sản xuất, năng lượng sử dụng cho sinh hoạt, năng lượng/ nhiên liệu cho xe vận chuyển, tách riêng nhiên liệu sử dụng cho các thiết bị/ quá trình, VD: Dầu diesel cho máy phát điện và dầu diesel cho xe nâng ...
3. Báo cáo số liệu KNK phạm vi 1 và 2, công bố trên các cổng thông tin (VD: CDP), tính toán và đặt đường cơ sở cho phát thải KNK, lập mục tiêu và kế hoạch để giảm thiểu KNK góp phần vào hành động về biến đổi khí hậu toàn cầu.
4. KNK được tính toán hoàn toàn tự động dựa vào các nguồn năng lượng, EAC, đền bù cacbon, các nguồn chất làm lạnh, phát thải BOD5 từ xử lý nước thải ...
Hệ số phát thải dựa trên công bố tốt nhất

Key updates of Higg FEM 4.0

Nước sạch (Water use)

1. Phân loại nước Blue water và Grey water
2. Nhận diện quá trình tiền xử lý nước sạch và thống kê lượng nước rejected của quá trình
3. Thống kê riêng nước sử dụng cho sinh hoạt và nước sử dụng cho sản xuất
4. Các luật của VN liên quan đến khai thác và sử dụng nước ngầm
5. Theo dõi sự rò rỉ của mạng lưới cấp nước nhà máy.
6. Thay đổi cách tính đường cơ sở, yêu cầu rõ ràng về năm cơ sở (5 năm trước năm báo cáo)
7. Các giải pháp về cải thiện nước bao gồm tăng lượng nước mưa, giảm nước cấp, giảm nước sạch tuyệt đối.
8. Tham gia SBTi về sử dụng nước
9. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nước hàng đầu cho quá trình sản xuất.

Key updates of Higg FEM 4.0

Rác thải (Waste)

1. Yêu cầu về tách biệt các loại rác công nghiệp, VD phân loại các thành phần vải
2. Đào tạo về phân loại rác cho toàn thể người lao động
3. Các nhóm phương pháp xử lý rác mới (*Ưu tiên nhất, ít ưu tiên hơn, kém ưu tiên*)
4. Xác nhận các phương pháp xử lý rác của từng loại rác trong nhà máy (*thông thường và nguy hại*)
5. Kế hoạch chuyển đổi phương pháp xử lý rác
6. Xác minh phương pháp xử lý của tất cả các loại rác không nguy hại
7. Thể hiện sự sẵn sàng làm việc trên các hệ thống kinh tế tuần hoàn.

Key updates of Higg FEM 4.0

Nước thải (Wastewater)

1. Nhà máy có theo dõi chỉ số BOD5 không? Trước và/ hoặc sau xử lý, hoặc trong quá trình xử lý nước thải.
2. Các câu hỏi tập trung vào xử lý bùn thải đúng cách và tuân thủ.
3. Cơ chế giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải theo công suất thiết kế
4. Điều kiện về kho chứa bùn
5. Upload kết quả test nước thải theo luật Việt Nam
6. Rating của các nhóm chỉ tiêu nước thải trong báo cáo nước thải theo ZDHC
7. Tái chế nước thải vào mục đích sinh hoạt, tái chế nước thải vào sản xuất



Key updates of Higg FEM 4.0

Khí thải (Air emission)

1. Theo dõi và thống kê lượng khí thải phát ra tại nhà máy (*level 1: nhận diện*)
2. Thống kê lượng phát thải của các pollutants (*level 2: định lượng*)
3. Nhà máy có tuân thủ theo các yêu cầu về luật liên quan đến khí thải hay không?
4. Nhận diện các loại gas máy lạnh, bảo trì bảo dưỡng máy lạnh
5. Kế hoạch giảm thiểu khí phát thải
6. Quản lý/ theo dõi chất lượng khí thải theo tiêu chuẩn ZDHC
7. Sử dụng các công nghệ cao (Best Available Technology) cho các nguồn thải chính tại nhà máy.

Key updates of Higg FEM 4.0

Yêu cầu mới về các chương trình đào tạo

1. Đào tạo nhận thức về chính sách môi trường cho người lao động (1 lần/năm)
2. Đào tạo về thu gom và xử lý bùn thải (bùn thông thường và công nghiệp)
3. Đào tạo phân loại rác cho toàn thể người lao động
4. Đào tạo về thu gom và xử lý rác nguy hại cho những người liên quan
5. Đào tạo an toàn hóa chất cho những người liên quan
6. Đào tạo về nhận thức chất hạn chế RSL/MRSL cho những người liên quan

Yêu cầu:

1. Đúng và đủ đối tượng cần đào tạo
2. Tần suất đào tạo
3. Nội dung đào tạo phù hợp với từng đối tượng (documented materials)
4. Ghi nhận và báo cáo đào tạo
5. Đánh giá sau đào tạo (exam, survey ...)
6. Các đề xuất cải tiến sau đào tạo (nếu có)

Facility site information determination

1. Scope - Nhà máy có nhiều địa điểm, mặc dù được quản lý bởi cùng một tập đoàn hoặc chung 01 business license vẫn cần phải tách module ra riêng ra các báo cáo.
2. **Site information - Vấn đề lựa chọn Facility Type trong khai báo thông tin nhà máy dẫn đến việc báo cáo số liệu của các vấn đề môi trường khác nhau.**
3. Site information - Lựa chọn SAM cho tính toán số lượng sản phẩm.
4. Site information - Lựa chọn đơn vị sản phẩm cho các nhà máy thuộc Finished Product Processing đang hướng đến sử dụng đơn vị ngành là kg, điều này gây khó khăn cho nhà máy trong việc thu thập số liệu năm 2023, ví dụ là các nhà máy printing.
5. Site information - Ảnh hưởng của việc lựa chọn đơn vị sản phẩm đến baseline của năng lượng và nước sạch.
6. Site information - Khai báo thông tin giấy phép trong khi nhà máy chưa hoàn thành giấy phép môi trường mới.

Facility site information determination

1. EMS – Xác nhận không có ô nhiễm đất/ nước ngầm.
2. EMS – Làm sao để thúc đẩy các nhà thầu phụ, nhà cung ứng sử dụng các công cụ đánh giá môi trường (Higg FEM/ BEPI, ISO 14001, ...)?
3. EMS – Chia sẻ thêm về các hình thức cải thiện môi trường với cộng đồng địa phương.
4. Chemicals - Phân loại các dạng sử dụng hóa chất trong nhà máy
5. Chemicals – Thảo luận về tuân thủ RSL và MRSL
6. Chemicals – Năng lực của nhóm quản lý hóa chất (level 1 và level 2)
7. Chemicals - Chính sách quản lý hóa chất
8. Chemicals - Trace số lot hóa chất trên inventory
9. Chemicals - Vấn đề mua hóa chất dựa vào yêu cầu của RSL.MRSL
10. Chemicals - Approved list/ positive list
11. Chemicals – Khu vực kho lưu trữ hóa chất (kho chính và kho phụ)

Facility site information determination

1. Energy – Thảo luận về việc thống kê năng lượng cho sinh hoạt, sản xuất và xe cộ.
2. Energy - Vấn đề factor điện lưới quốc gia cho việc tính baseline GHG năm 2022 và 2023.
3. Energy – Lựa chọn baseline theo absolute và normalize.
4. Energy - Mối quan hệ giữa baseline, target, action plan and improvement
5. Water – Thống kê nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất, thống kê việc sử dụng nước cho từng quá trình riêng biệt.
6. Water – Tính baseline của việc sử dụng nước sạch
7. Water – Giảm nước Blue theo Absolute (Q20, Q22)
8. Waste – Nhận diện đúng các phương pháp xử lý rác thải
9. Waste – Cơ chế, cách thức quản lý và xử lý bùn thải
10. Waste – Chia sẻ thêm về Reuse, recycle, upcycle and downcycle

Facility site information determination

1. Data collection – Giới thiệu các phương pháp tính toán ước lượng hợp lệ.
2. Data collection – Các vấn đề về platform trên Worldy.
3. Wastewater – Nói về category hình thức nước thải
4. Wastewater - Theo dõi và quản lý phương pháp xử lý bùn thải (aligned with ZDHC)
5. Wastewater - Test nước thải theo theo tiêu chuẩn cao hơn luật.
6. Air emission - Vấn đề applicability cho Combustion Engine
7. Air emission - Danh mục kiểm kê khí thải cho nguồn điểm (Q1), nguồn phân tán và di động (Q2)
8. Air emission - Giới thiệu ZDHC Air emission guideline
9. Air emission - Best Available Technology - BAT